

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số 14 /2017/HNGĐ-PT

Ngày 20/7/2017

*V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Ông Hồ Đức Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thăng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12/6/2017 do có kháng cáo của bị đơn anh Phan Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HT đối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện NX, tỉnh HT, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2017/QĐXX-PT ngày 04/7/2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 12, xã CD, huyện XV, tỉnh HT

2. Bị đơn: Anh Phan Văn D - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 12, xã CD, huyện NX, tỉnh HT

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị M, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 12, xã CD, huyện NX, tỉnh HT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 10 năm 2016 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Phan Văn D đăng ký kết hôn ngày 10/8/2000, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc, hôn lễ được tổ chức theo truyền thống địa phương và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới chị L và anh D về sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, đến thời điểm chị L làm đơn ra Tòa xin ly hôn với anh D thì hai người đã

sống ly thân với nhau. Theo chị L trong cuộc sống giữa chị và anh D có nhiều quan điểm sống khác nhau, có sự không bình đẳng trong cuộc sống, anh D thường chửi bới và xúc phạm chị. Sự việc của anh chị đã được gia đình nội ngoại hoà giải nhưng không đi đến kết quả gì. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị L và anh D có ba con chung là Phan Văn T, sinh ngày 10/5/2001; Phan Thị L, sinh ngày 30/11/2002 và Phan Thị N, sinh ngày 22/5/2005 hiện đang sống với anh D nguyện vọng của chị Lan là xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Thị L, sinh ngày 30/11/2002 và cháu Phan Thị N, sinh ngày 22/5/2005 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L cho rằng vợ chồng có một số tài sản nhưng không đáng kể, trong đơn khởi kiện chị có khai nhưng tại buổi hòa giải ngày 01/3/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Về nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không vay nợ ai và cũng không ai vay của vợ chồng.

Anh D trình bày: Anh và chị L đến với nhau hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, vợ chồng đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, từ khi chị L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tình cảm bị sút mẻ, hôn nhân bị đổ vỡ, nhưng vì tương lai của con nên anh muốn níu kéo hạnh phúc để con cái không bị thiệt thòi vì vậy anh không muốn ly hôn mà muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh D trình bày vợ chồng anh có ba con chung là: Phan Văn T, sinh ngày 10/5/2001; Phan Thị L, sinh ngày 30/11/2002 và Phan Thị N, sinh ngày 22/5/2005 hiện đang sống với anh nếu ly hôn nguyện vọng của anh là tùy vào nguyện vọng của con, nếu con ở với anh thì yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.000.000đ/ 01 tháng /01 cháu cho ba cháu, nếu con ở với chị L thì anh cũng đóng góp mỗi cháu 1.000.000đ/01 tháng/01 cháu cho ba cháu.

Về tài sản chung: Anh D thừa nhận có các loại tài sản chung như chị L khai trong buổi hòa giải ngày 01/3/2017 anh đề nghị chia đôi nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh chấp nhận ý kiến của chị L là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng có vay em gái là Phan Thị Đ 103.000.000đ (trong giấy vay nợ thì số tiền là 53.000.000đ), vay mẹ đẻ bà Trần Thị M 49.000.000đ và nhờ bà Trần Thị M vay Ngân hàng chính sách xã hội nơi giao dịch huyện NX số tiền là 50.000.000đ.

Ngoài ra anh D yêu cầu chị Lan gửi lại tiền cấp dưỡng nuôi con trong vòng 10 năm là 576.000.000đ.

Ngày 07/3/2017 Tòa án nhân dân huyện NX có giấy báo số 02/GB -TA ngày 07/3/2017 với nội dung yêu cầu bà Trần Thị M và chị Phan Thị Đ lên Tòa án làm đơn yêu cầu giải quyết việc nợ và tiến hành nộp tiền tạm ứng án phí bà M và chị Đ đã nhận được giấy báo, đến ngày 17/3/2017 bà Trần Thị M đã có mặt và tiến hành làm các thủ tục theo quy định để tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, còn chị Đ không có

mặt để tiến hành làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Trong đơn yêu cầu trả nợ bà M khai rằng vào năm 2009 cho anh D là con trai vay 49.000.000đ, lúc đó chị L đang đi nước ngoài, đến năm 2016 do điều kiện kinh tế khó khăn không đủ tiền nuôi con ăn học và không có tài sản thế chấp nên anh D nhờ bà vay Ngân hàng chính sách xã hội nơi giao dịch huyện NX số tiền là 50.000.000đ. Tổng số tiền mà anh D vay là 99.000.000đ

Với nội dung nêu trên, tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện NX, tỉnh HT đã quyết định:

Về tình cảm: Áp dụng: Điều 28 BLTTDS; Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Văn D

Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Phan Văn T, sinh ngày 10/5/2001; Phan Thị L, sinh ngày 30/11/2002 và Phan Thị N, sinh ngày 22/5/2005 cho anh Phan Văn D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) đối với mỗi cháu, trên một tháng, mỗi tháng đóng một lần kể từ ngày 27/05/2017. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 6, 8, 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/2/2009. Buộc chị L phải nộp 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000399 ngày 21 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện NX, tỉnh HT. Ngoài ra chị L phải đóng 200.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án.

Bà Trần Thị M phải đóng 4.950.000đ, bà M đã đóng 3.000.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000407 ngày 23/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện NX, tỉnh HT, nay còn phải đóng thêm 1.950.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 04/5/2017 bị đơn anh Phan Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện NX, cụ thể:

Kháng cáo của anh Phan Văn D:

- Về tình cảm: Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L

- Về nợ chung: Yêu cầu tòa án buộc vợ chồng phải trả nợ cho bà Trần Thị M số tiền 99.000.000đ vay để nuôi con ăn học

- Buộc chị L phải thanh toán cho anh D 576.000.000đ tiền anh D nuôi con ăn học trong 10 năm

Kháng cáo của bà Trần Thị M: Buộc vợ chồng anh D, chị L trả số tiền đã vay của bà M là 99.000.000đ

Ngày 24/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh kháng nghị bản án sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân huyện NX, tỉnh HT như sau:

** Về tố tụng:*

- Ủy ban nhân dân xã CD có văn bản chứng nhận đăng ký kết hôn giữa chị Lan và anh Dương nhưng cấp sơ thẩm không triệu tập đại diện UBND xã CD tham gia phiên tòa là chưa đầy đủ.

- Không yêu cầu bà M cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự là vi phạm quy định pháp luật.

** Về nội dung:*

- Chị L và anh D trình bày không thống nhất về thời điểm kết hôn, UBND xã CD có văn bản xác nhận anh D và chị L trước đây có đăng ký kết hôn nhưng nay giấy chứng nhận kết hôn không có và sổ lưu đăng ký kết hôn tại xã không còn lưu trữ. Do đó chưa có đủ cơ sở xác định chị L và anh D có đăng ký kết hôn hay không, đăng ký vào thời điểm nào để làm căn cứ giải quyết yêu cầu ly hôn của chị L.

- Bà Trần Thị M có đơn yêu cầu anh D và chị L trả nợ số tiền 99.000.000 đồng nhưng chị L không chấp nhận và tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không chấp yêu cầu trả nợ của bà M nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không đề cập nội dung này là chưa giải quyết yêu cầu độc lập của bà Mai nhưng vẫn buộc bà M phải chịu 4.950.000đ án phí DSST là vi phạm nghiêm trọng việc giải quyết vụ án.

- Thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Phan Thị Ng đã hơn 7 tuổi nhưng tòa án không lấy ý kiến cháu Ng về nguyện vọng ở với ai để quyết định về nuôi con chung là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, cả anh D và chị L đều có nguyện vọng nuôi con chung và tòa án giao cả ba con chung cho anh D nuôi dưỡng là chưa phù hợp

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên các vấn đề kháng nghị và đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện NX.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- *Về tố tụng*: Bà Trần Thị M là người có đơn yêu cầu anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị L phải trả nợ số tiền 99 triệu đồng cho bà nên cấp sơ thẩm xác định bà M là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng. Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà M cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của bà và không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tài liệu và hòa giải giữa các đương sự là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 205, khoản 1 Điều 208 và Điểm c khoản 1 Điều 209 BLTTDS năm 2015. Do đó, kháng nghị của VKSND tỉnh về phần thủ tục tố tụng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- *Về nội dung*:

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng chị không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án tại tòa sơ thẩm, cả anh D và chị L trình bày không thống nhất về thời điểm kết hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm chị L trình bày vợ chồng kết hôn là vào ngày 10/8/2000 và anh D cũng thống nhất như ý kiến chị L về thời điểm kết hôn. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm chị L có văn bản tường trình ngày 08/6/2017 thể hiện giữa chị và anh D kết hôn vào 10/8/2002. Như vậy vụ án đang còn có mâu thuẫn về thời điểm kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn D nên chưa đủ cơ sở xác định anh D và chị L kết hôn vào thời điểm nào, hôn nhân hợp pháp hay không hợp pháp như nhận định của VKSND tỉnh HT là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng chị L, anh D có 03 con chung và cả hai người đều có nguyện vọng nuôi con nhưng cấp sơ thẩm lại giao cả 03 con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là chưa phù hợp. Hơn nữa, đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Phan Thị N là con chung của hai người đã hơn 7 tuổi nhưng tòa án cấp sơ thẩm không lấy ý kiến, nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi là vi phạm khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong vụ án, bà Trần Thị M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập buộc vợ chồng anh D và chị L phải trả khoản nợ 99.000.000 đồng cho bà. Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các bên đương sự và nhận định không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà M. Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm không thể hiện nội dung bác yêu cầu độc lập của bà M nhưng vẫn buộc bà M phải chịu 4.950.000đ án phí DSST là vi phạm yêu cầu giải quyết vụ án.

Với vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, những thiếu sót về phần nội dung như nhận định trên, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được vì vậy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh hủy Bản án hôn nhân và gia đình số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện NX

Do xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện NX giải quyết lại theo quy định pháp luật nên cấp phúc thẩm không xem xét đối với kháng cáo của anh Phan Văn D và bà Trần Thị M.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận Kháng nghị số 22/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Hủy bản án sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện NX, tỉnh HT. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện NX, tỉnh HT xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009 của UBTVQH12, anh Phan Văn D và bà Trần Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho Phan Văn D và bà Trần Thị M mỗi người 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện NX, tỉnh HT theo các biên lai số 0000428, 0000429 ngày ngày 04/5/2017

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh;
- TAND, THA sơ thẩm
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

